

Bản án số: 04/2020/KT-ST

Ngày 27/02/2020

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Lũy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Cửu Long

2. Bà Đinh Thị Tuyết Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2019/TLST – KT ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-KT ngày 03 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2020/QĐ- HPT ngày 21 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP

Trụ sở: Đường X, Phường Y, Quận Z, thành phố Hà Nội

Ủy quyền Ông Đỗ Nguyễn Thành T

Bị đơn : Công ty TNHH SX TM NK T

Trụ sở: Đường A, phường B, Quận C.

Đại diện theo pháp luật của công ty

Bà Bùi Thị Thanh Lan T là Giám đốc

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Bùi Thị Thanh Lan T , sinh năm 1966

Trú tại: Đường M, quận N, tỉnh Bình Dương.

Ông T có mặt, bà T vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, tại buổi họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại phiên Tòa ngày hôm nay ông Đỗ Nguyễn Thành T trình bày như sau:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) – Chi nhánh Gia Định theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/EGD/17/0143/HDHM ngày 20 tháng 09 năm 2017; Hợp đồng cho vay hạn mức Số: SME/EGD/18/0015/HDHM ngày 27 tháng 01 năm 2018 với số tiền tổng cộng là 4.550.750.659 đồng (*Bốn tỉ, năm trăm năm mươi triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, sáu trăm năm mươi chín đồng*), khoản vay được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Bùi Thị Thanh Lan T theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGD/17/0143/HDBL ngày 20 tháng 09 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGD/18/0015/HDBL ngày 27 tháng 01 năm 2018.

Ngoài ra, Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T còn ký kết giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản đảm bảo ngày 16 tháng 09 năm 2017. Tính đến ngày 27 tháng 02 năm 2020 khoản dư nợ thẻ là: 161.612.261 đồng (*Một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm mười hai ngàn, hai trăm sáu mươi một đồng*).

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T đã thanh toán nợ vay với số tiền tổng cộng là 2.423.434.761 đồng, trong đó nợ gốc là 2.155.325.000 đồng và nợ lãi là 270.109.761 đồng. Kể từ ngày 02 tháng 01 năm 2019 cho đến nay, Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. VP Bank đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Nay tại Tòa, ông đại diện Ngân hàng yêu cầu:

Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T phải trả ngay một lần cho VPBank tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 27/02/2020 là: Nợ gốc 2.397.425.659 đồng, nợ lãi 825.185.488 đồng, nợ lãi chậm trả 57.297.712 đồng, nợ thẻ 161.612.261 đồng, Tổng cộng 3.441.521.120 đồng

Kể từ ngày 28/02/2020, Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank. Trường

hợp Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, bà Bùi Thị Lan T có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Bị đơn đơn Công ty TNHH SX TM NK T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị Thanh Lan T vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên Tòa án không có thu thập được lời khai;

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa có bà Nguyễn Ngọc Bích kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Vụ án trên đã được Toà án nhân dân Quận 2 thụ lý và giải quyết đúng theo trình tự mà Bộ luật tố tụng đã qui định. Nhưng về thời hạn đưa vụ án ra xét xử có vi phạm, cần rút kinh nghiệm;

Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ và chứng minh công khai tại phiên tòa, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) – Chi nhánh Gia Định và Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh(tín dụng), do đó căn cứ vào qui định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận, huyện. Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T hiện có trụ sở tại Quận 2 do đó căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự quan hệ tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2

[2] Căn cứ vào địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp, Tòa án đã triệu tập bị đơn nhiều lần nhưng đều không thấy bị đơn đến Tòa. Qua xác minh tại Công an phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2 thì được biết bị đơn không còn hoạt động tại địa chỉ số 4/8, đường số 6, kp1, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển đi đâu không rõ. Căn cứ vào địa chỉ được ghi trong Hợp đồng tín dụng thì bị đơn cư trú 4/8, đường số 6, kp1, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt bị đơn theo địa chỉ đã ghi trong hợp đồng tín dụng là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do thực tế bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ trên, nên Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng

đạt bằng hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và đã đăng thông báo về nội dung vụ án, thông báo triệu tập bị đơn trong ba số liên tiếp của Báo Lao động, trang Thông tin điện tử của Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh và phát thanh trong ba ngày liên tiếp trên Đài Tiếng nói Việt Nam, triệu tập bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 để cung cấp lời khai, nhận thông báo thụ lý vụ án, chứng cứ về yêu cầu khởi kiện vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 nhưng bị đơn, bà Bùi Thị Thanh Lan T vẫn vắng mặt; tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/01/2020 và 03/02/2020 Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được do bị đơn, bà Bùi Thị Thanh Lan T vắng mặt lần 2 tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử để xét xử lần 1 vào ngày 21/02/2020 nhưng bị đơn, bà Bùi Thị Thanh Lan T vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa lần 2 ngày hôm nay, bị đơn, bà Bùi Thị Thanh Lan T vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Tòa án giải quyết vắng mặt bị đơn, bà Bùi Thị Thanh Lan T là không trái quy định tại Điều 180, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

2. Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ, lời trình bày cũng như yêu cầu của ông Đỗ Nguyễn Thành T là đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP X, Ngân hàng TMCP X yêu cầu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T, bà Bùi Thị Thanh Lan T cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền còn thiếu tạm tính đến hết ngày 27/02/2020 là gồm: Nợ gốc 2.397.425.659 đồng, nợ lãi 825.185.488 đồng, nợ lãi chậm trả 57.297.712 đồng, nợ thế 161.612.261 đồng, tổng cộng 3.441.521.120 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Nếu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T, bà Bùi Thị Thanh Lan T chậm trả hoặc trả không đầy đủ thì Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T, bà Bùi Thị Thanh Lan T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận được nêu trong hợp đồng và thời gian được tính lãi là ngày 28 tháng 02 năm 2020 trên số tiền chưa thanh toán, về yêu cầu của Ngân hàng TMCP X, Hội đồng xét xử xét:

[1] Ngân hàng TMCP X đã tiến hành thủ tục đăng thông báo về việc khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T, bà Bùi Thị Thanh Lan T và việc triệu tập của Tòa án đối với Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T, bà Bùi Thị Thanh Lan T đến Tòa cung cấp lời khai, tham dự các phiên họp, phiên tòa nhưng Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T, bà Bùi Thị Thanh Lan T không có văn bản phản đối nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện không thuộc trường hợp phải chứng minh. Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T, bà Bùi Thị

Thanh Lan T phải chịu trách nhiệm về yêu cầu khởi kiện và những tài liệu chứng cứ mà Ngân hàng TMCP X đưa ra.

[2] Căn cứ Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/ EGD/ 17/ 0143/ HDHM ngày 20 tháng 09 năm 2017; Hợp đồng cho vay hạn mức Số: SME/ EGD/ 18/ 0015/ HDHM ngày 27 tháng 01 năm 2018 và các khế ước nhận nợ mà Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T đã ký thì cho thấy Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T đã vay của Ngân hàng TMCP X với số tiền là 4.550.750.659 đồng, mục đích vay là bổ sung vốn trong hoạt động kinh doanh, lãi suất vay được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ, mức lãi suất này được điều chỉnh qua từng thời kỳ. Trong Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/EGD/17/0143/HDHM ngày 20 tháng 09 năm 2017; Hợp đồng cho vay hạn mức Số: SME/EGD/18/0015/HDHM ngày 27 tháng 01 năm 2018 và các khế ước nhận nợ đều có chữ ký của bà Bùi Thị Thanh Lan T giám đốc Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T. Do đó đã có cơ sở kết luận Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T có vay tiền của Ngân Hàng. Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc Ngân hàng TMCP X khởi kiện yêu cầu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP X với số tiền vốn gốc là 2.397.425.659 đồng là có cơ sở và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận;

[3] Đối với số tiền nợ lãi: Ngày 02/01/2019 do Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng đã áp dụng mức lãi suất mà hai bên đã ký tại các hợp đồng và các khế ước nhận nợ để tính lãi, căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 qui định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Các bên tự nguyện thỏa thuận về mức tiền lãi, và được quy định trong hợp đồng, cũng như quy định trong các khế ước nhận nợ thì tiền lãi được tính đến ngày 27 tháng 02 năm 2020 là 825.185.488 đồng, tiền nợ lãi chậm trả là 57.297.712 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP X yêu cầu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T phải trả tổng số tiền lãi đến ngày 27/02/2020 là 882.483.200 đồng, và tiếp tục trả lãi từ ngày 28/02/2020 trên số tiền nợ gốc chưa trả theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/EGD/17/0143/HDHM ngày 20 tháng 09 năm 2017; Hợp đồng cho vay hạn mức Số: SME/EGD/18/0015/HDHM ngày 27 tháng 01 năm 2018 và các khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản tiền nợ gốc, lãi là có cơ sở, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về thời gian trả nợ, căn cứ các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/EGD/17/0143/HDHM ngày 20 tháng 09 năm 2017; Hợp đồng cho vay hạn mức Số: SME/EGD/18/0015/HDHM ngày 27 tháng 01 năm 2018 và các khế ước nhận nợ thì cho thấy Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại

Nhập khẩu T đã vay của Ngân hàng TMCP X với số tiền là 2.397.425.659 đồng, thời hạn vay đã được quy định rất cụ thể trong từng hợp đồng và từng khế ước. Tuy nhiên trong quá trình thanh toán nợ, Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T đã vi phạm thỏa thuận trong việc thanh toán vốn gốc cũng như tiền lãi. Căn cứ vào Điều 6 của Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/EGD/17/0143/HDHM ngày 20 tháng 09 năm 2017 và Điều 8 của Hợp đồng cho vay hạn mức Số: SME/EGD/18/0015/HDHM ngày 27 tháng 01 năm 2018 mà hai bên đã ký, Ngân hàng đã khởi kiện Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T để thu hồi nợ là không trái với quy định. Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T chậm thanh toán nợ cho Ngân hàng từ đó đã làm ảnh hưởng đến lợi ích của Ngân hàng. Nay Ngân hàng TMCP X yêu cầu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T phải trả 01 lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn có cơ sở không trái pháp luật. Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận;

[5]. Về số tiền nợ thẻ tín dụng: Ngân hàng TMCP X cho rằng Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T có đề nghị Ngân hàng và Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T, quá trình sử dụng, Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T còn nợ tiền thẻ tín dụng đến thời điểm 27 tháng 02 năm 2020 là 161.612.261 đồng, Ngân hàng yêu cầu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T phải trả cho Ngân hàng số tiền trên, Hội đồng xét xử xét: Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ký ngày 16 tháng 9 năm 2017, trong văn bản có chữ ký của bà Bùi Thị Thanh Lan T giám đốc Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T và sự chấp thuận của Ngân hàng ngày 27 tháng 9 năm 2017 nên đã có cơ sở kết luận Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T có sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng phát hành, từ đó Ngân hàng yêu cầu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T phải trả số tiền 161.612.261 đồng, yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6]. Về việc bảo lãnh: Ngân hàng cho rằng Ngân hàng chấp nhận cho Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T vay tiền là gì bà Bùi Thị Thanh Lan T là giám đốc Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T chấp nhận lấy tài sản cá nhân để bảo lãnh cho Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T vay tiền Ngân hàng và nếu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T không thanh toán được nợ Ngân hàng, bà sẽ lấy tài sản cá nhân để trả nợ Ngân hàng. Nay Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ, Ngân hàng đã khởi kiện Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T để yêu cầu trả nợ và nếu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T không trả được nợ thì yêu cầu bà Bùi Thị Thanh Lan T phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh mà bà Bùi Thị Thanh Lan T đã ký kết với Ngân hàng,

yêu cầu của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét: Ngân hàng đã cung cấp cho Tòa án 02 Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGD/17/0143/HDBL ngày 20 tháng 09 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGD/18/0015/HDBL ngày 27 tháng 01 năm 2018, cả hai hợp đồng đều có chữ ký của bà Bùi Thị Thanh Lan T, cả 02 hợp đồng đều có nội dung nếu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T không thanh toán tiền cho Ngân hàng thì bà Bùi Thị Thanh Lan T sẽ lấy tài sản cá nhân để thanh toán nợ. Do đó yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu bà Bùi Thị Thanh Lan T cùng phải có trách nhiệm với Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T tranh toán nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X là có cơ sở, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn;

Về đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tại phiên tòa hôm nay về tố tụng cần phải rút kinh nghiệm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Về nội dung vụ án, đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là có cơ sở;

Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

- Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm vì yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 180, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

- Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về Án phí, lệ phí Tòa án,

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X về việc yêu cầu Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T, bà Bùi Thị Thanh Lan T có nghĩa vụ trả nợ đã vay.

Buộc Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tính đến ngày 27 tháng 02 năm 2020 là 3.441.521.120 đồng(Ba tỷ, bốn trăm bốn mươi một triệu, năm trăm hai mươi một ngàn, một trăm hai mươi đồng), trong đó nợ gốc 2.397.425.659 đồng (Hai tỷ, ba trăm chín mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn, sáu trăm năm mươi chín đồng), nợ lãi 825.185.488 đồng (Tám trăm hai mươi lăm triệu, một trăm tám mươi lăm ngàn, bốn trăm tám mươi tám đồng), nợ lãi chậm trả 57.297.712 đồng (Năm mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi bảy ngàn, bảy trăm mười hai đồng), nợ thẻ 161.612.261 đồng (Một trăm sáu mươi một triệu, sáu trăm mười hai ngàn, hai trăm sáu mươi một đồng) theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/EGD/17/0143/HDHM ngày 20 tháng 09 năm 2017; Hợp đồng cho vay hạn mức Số: SME/EGD/18/0015/HDHM ngày 27 tháng 01 năm 2018 và các khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký.

Trường hợp Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T không thanh toán được nợ, thì bà Bùi Thị Thanh Lan T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ các khoản nợ theo như 02 Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGD/17/0143/HDBL ngày 20 tháng 09 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: SME/EGD/18/0015/HDBL ngày 27 tháng 01 năm 2018 mà bà Bùi Thị Thanh Lan T đã ký.

Các bên thi hành tại Cơ quan có thẩm quyền về thi hành án dân sự.

Trường hợp Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T chậm trả tiền thì còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh tính từ ngày 27 tháng 02 năm 2020 cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất được quy định trong các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số: SME/ EGD/ 17/ 0143/ HDHM ngày 20 tháng 09 năm 2017; Hợp đồng cho vay hạn mức Số: SME/ EGD/ 18/ 0015/ HDHM ngày 27 tháng 01 năm 2018 và các khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2/ Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Nhập khẩu T phải chịu là 100.830422 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 44.404.830 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0016665 ngày 20/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, thông báo theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q2;
- Chi Cục THADS Q2;
- Các đương sự;
- Lưu (P/10).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Lũy